

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/HNGĐ-ST
Ngày 29-6-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Minh Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Thu Thủy

Ông Đỗ Văn Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị T, sinh năm 1985; Nơi ĐKKHKT: Thôn 01, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn T1, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Quang A1, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Thôn 01, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, tại Bản tự khai, nguyên đơn là chị Vũ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Quang A1 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 22 tháng 9 năm 2006. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng gia đình anh Quang A1 ở thôn 01, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, nên thường xuyên

xảy ra cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được bố, mẹ hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng, nên từ tháng 6 năm 2019 đến nay chị đã về cư trú cùng bố, mẹ để chị ở thôn T1, xã H, huyện A, Hải Phòng, cũng từ đó chị và anh Quang A1 sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Quang A1.

Về con chung: Chị và anh Quang A1 có 02 con chung là Nguyễn Quang V, sinh ngày 24 tháng 3 năm 2007 và Nguyễn Quang M, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2011. Hiện tại các con chung đều do anh Quang A1 trực tiếp nuôi dưỡng. Chị đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai, bị đơn là anh Nguyễn Quang A1 trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của anh và chị T theo như chị T đã khai là đúng. Từ năm 2019 đến nay, chị T bỏ đi không chung sống cùng anh và các con nữa. Nay anh xác định anh vẫn còn tình cảm với chị T, nên chị T xin ly hôn, anh không đồng ý, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dưỡng con chung.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung theo như chị T đã khai là đúng. Từ khi anh và chị T sống ly thân đến nay, các con chung do anh trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị T và anh ly hôn, anh đồng ý để chị T nuôi dưỡng hai con vì anh không muốn hai con bị xa cách. Về việc cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo thông báo của Tòa án; vắng mặt tại phiên tòa không có lý do đã vi phạm các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Nguyễn Quang A1. Về con

chung: Giao các con chung Nguyễn Quang V, sinh ngày 24 tháng 3 năm 2007 và Nguyễn Quang M, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2011 cho chị T nuôi dưỡng. Không giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản. Chị Vũ Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Vũ Thị T có đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh Nguyễn Quang A1. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Quang A1 hiện đang cư trú tại thôn 01, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa, chị Vũ Thị T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Quang A1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện An Dương tiến hành xét xử vắng mặt chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Quang A1.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Quang A1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 22 tháng 9 năm 2006, nên theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Căn cứ lời khai của đương sự, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở xác định: Quá trình chung sống, chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Quang A1 đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Xét quan hệ hôn nhân của chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Quang A1 là không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đề nghị xin được ly hôn của chị Vũ Thị T đối với anh Nguyễn Quang A1. Anh Nguyễn Quang A1 có quan điểm anh vẫn còn tình cảm với chị T nên anh Quang A1 không đồng ý ly hôn, nhưng anh Quang A1 không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn. Hơn nữa, Tòa án đã nhiều lần báo anh Quang A1 đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng anh Quang A1 đều vắng mặt không có lý do, nên việc anh Quang A1 không đồng ý ly hôn là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Quang A1 có hai con chung là Nguyễn Quang V, sinh ngày 24 tháng 3 năm 2007 và Nguyễn Quang M, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2011. Xét thấy, chị T hiện tại là công nhân còn anh Quang A1 tuy là lao động tự do nhưng anh Quang A1 có thể lao động để có thu nhập nên chị T và anh Quang A1 đều có khả năng và điều kiện nuôi dưỡng con chung. Chị T và anh Quang A1 đều có quan điểm đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị T nuôi dưỡng. Hai con đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy, quan điểm của chị T

và anh Quang A1 là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của các con chung nên chấp nhận.

[6] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Quang A1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[7] Về tài sản chung: Chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Quang A1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[8] Về án phí sơ thẩm: Chị Vũ Thị T là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Quang A1 được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 6; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T được ly hôn anh Nguyễn Quang A1.

2. Về con chung: Giao các con chung Nguyễn Quang V, sinh ngày 24 tháng 3 năm 2007 và Nguyễn Quang M, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2011 cho chị Vũ Thị T nuôi dưỡng đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

3. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Quang A1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung: Chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Quang A1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

5. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 13041 ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương. Chị Vũ Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục THA dân sự huyện An Dương;
- UBND xã B (ĐKKH ngày 22 tháng 9 năm 2006);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Minh Huế

